| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ X**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2021
*"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Võ Thị Thanh Phương;

2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh A Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh A Giang tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2021/TLST - HN ngày 23 tháng 02 năm 2021 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST - HN ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐHPT ngày 06/5/2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

Anh Quách Tái Q, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 12, phường CP, thành phố X, tỉnh A Giang;

*Bị đơn*:

Chị Đặng Thị N, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ 12, phường CP, thành phố X, tỉnh A Giang;

Anh Quách Tái Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Chị Đặng Thị N vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Quách Tái Q trình bày:*

Anh (Quách Tái Q) và chị Đặng Thị N tự tìm hiểu yêu thương nhau và sống chung như vợ chồng, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố X, số 55 ngày 09/5/2016.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến thời gian gần chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vã nhau, do bất đồng quan điểm sống, hạnh phúc gia đình không còn, N bỏ nhà đi nên chúng tôi không còn sống chung từ tháng 10/2020 cho đến nay

*Về con chung*: Vợ chồng sanh 01con chung tên Quách Kim A, sinh ngày 28/6/2016, hiện do anh đang nuôi dạy, anh có yêu cầu nuôi dạy con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung - nợ chung*: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng, anh (Q) có yêu cầu ly hôn chị Đặng Thị N và yêu cầu nuôi dạy con chung tên Quách Kim A, sinh ngày 28/6/2016, không yêu cầu N cấp dưỡng nuôi con chung.

*Kết quả xác minh và được Ban khóm Châu Thới 1, phường CP, thành phố X cung cấp*:

Chị Đặng Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 12, phường CP, thành phố X, tỉnh A Giang và nay chị N không còn ở địa phương đi đâu và làm gì địa phương không biết.

Tòa án nhân dân thành phố X đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án số 110/TB - TA ngày 23/3/2021; Thông báo thu thập tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp ngày 22/3/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 110/TB – TA ngày 23/3/2021; Thông báo V/v công khai tài liệu, chứng cứ ngày 06/4/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 113/TB – TA ngày 06/4/2021; Thông báo V/v thay đổi thời gian hòa giải ngày 06/4/2021; Các văn bản tố tụng còn lại Tòa án nhân dân thành phố X đã niêm yết tại nhà; ban khóm Châu Thới 1 và tại Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố X.

Tòa án đã thông báo thời gian xét xử vụ án cho chị Đặng Thị N bằng hình thức đăng báo Công Lý trong ba số báo liên tiếp các số 29, 30, 31 vào các ngày 09/4/2021, 13/4/2021 và 16/4/2021 và Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại thành phố Hồ Chí Minh phát sóng ba lầnvào lúc 17 giờ 30 phút đến 18 giờ trong các ngày: 12, 13 và 14/4/2021.

Tại phiên toà,

Hội đồng xét xử công bố:

Lời khai của anh Quách Tái Q và các tài liệu chứng cứ do anh Q cung cấp.

Kết quả xác minh của Ban  phường CP, thành phố X, tỉnh A Giang cung cấp ngày 23/3/2021;

Việc Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với chị Đặng Thị N về thời gian mở phiên tòa cụ thể: đăng báo Công Lý trong ba số báo liên tiếp các số 29, 30, 31 ngày 09/4/2021, 13/4/2021 và 16/4/2021 và Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại thành phố Hồ Chí Minh phát sóng ba lần vào lúc 17 giờ 30 phút - 18 giờ trong ba ngày liên tiếp các ngày 12/4/2021, ngày 13/4/2021 và ngày 14/4/2021.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

***Việc tuân theo pháp luật tố tụng:***

** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

***** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*** Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, có yêu cầu được xét xử vắng mặt. Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS 2015.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Thông qua tìm hiểu, ông Q và bà N đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2016 tại Uỷ ban nhân dân phường CP. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong suốt thời gian sống xa cách ông Q bà N không thể hàn gắn, bà N mặc dù đã được tòa án mời tham gia hòa giải nhưng không đến. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, việc ông Q yêu cầu ly hôn với bà N là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Có một con chung tên Quách Kim A, sinh ngày 28/6/2016, hiện đang sống cùng ông Q, ông Q yêu cầu tiếp tục nuôi dạy A, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Xét bà N bỏ đi, con chung Q trực tiếp nuôi dạy. Để đảm bảo ổn định tâm sinh lý cũng như cuộc sống bình thường cho con việc tiếp tục giao con chung cho ông Q nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật, công nhận sự tự nguyện của ông Q về việc không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, Căn cứ các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Về tố tụng:*

Anh Quách Tái Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Đặng Thị N. Đồng thời, chị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 12, phường CP, thành phố X, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[1].Về vắng mặt của đương sự:*

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo thu thập tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo công khai tài liệu chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử - Quyết định hoãn phiên tòa và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại nhà của chị Đặng Thị N; tại Ban khóm Châu Thới 1; tại Ủy ban nhân phường CP, thành phố X và tại Tòa án nhân dân thành phố X; Tòa án thông báo Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thời gian mở phiên tòa; Thời gian hoãn phiên tòa trên phương tiện thông tin đại chúng (đối với Đặng Thị N) nhưng nay chị N vẫn vắng mặt; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 01 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

*Về nội dung:*

*[2] Về quan hệ hôn nhân*:

Anh Quách Tái Q và chị Đặng Thị N tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố X số 55 ngày 09/5/2016.

Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến thời gian gần chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cải vã nhau, do bất đồng quan điểm sống, hiện không còn sống chung từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Tình cảm không còn và không thể hàn gắn, anh Q kiện xin ly hôn chị N.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh A Giang, Ban phường CP, thành phố X cung cấp:

Anh Q và chị N phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vã nhau và hiện nay chị N không còn ở tại địa phương.

Xét thấy, anh Q, chị N đã không còn sống chung từ tháng 10/2020 đến nay, thời gian dài xa cách nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Từ đó có cơ sở xác định, hôn nhân của anh Q, chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Q đối với chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

*[3] Về con chung*:

Anh Quách Tái Q khai sanh được 01 con chung tên: Quách Kim A, sinh ngày 28/6/2016, hiện do anh Q đang nuôi dạy (kết quả xác minh ban khóm cung cấp thì anh Q đang nuôi dạy con chung tên Quách Kim A, sinh ngày 28/6/2016). Anh Q không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập đến giải quyết.

*[4]Về tài sản chung - nợ chung:*

Anh Quách Tái Q không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến giải quyết.

*[5] Về án phí:*

Anh Quách Tái Q phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp.

Chị Đặng Thị N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số*

*326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

*[1] Về quan hệ hôn nhân*:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Quách Tái Q.

Anh Quách Tái Q được ly hôn chị Đặng Thị N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 09/5/2016 của Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố X, tỉnh A Giang không còn giá trị pháp lý.

*[2] Về con chung*:

Anh Quách Tái Q được nuôi dạy con chung tên: Quách Kim A, sinh ngày 28/6/2016, chị Đặng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Quách Tái Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Đặng Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*[3] Về án phí*:

Anh Quách Tái Q phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số TU/2019/0004387 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; anh Quách Tái Q đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Chị Đặng Thị N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*[4] Về quyền kháng cáo*:

Anh Quách Tái Q và chị Đặng Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh A Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kiều Nga**